TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2022/DS-PT
Ngày: 21/12/2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 312/2022/QĐPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1943;

Cư trú tại: Số nhà 220, đường L, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn T, sinh năm 1956;

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971;

Cùng cư trú tại: Ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Ấp K, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Trần Minh T4, sinh năm 1945; cư trú tại: Số nhà 367D, đường A1, Ấp 4, xã N, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*:

1. Bà Dương Thị Â, sinh năm 1968;

Cư trú tại: Ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị Â: Ông Vũ Ngọc T5, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1976;

Cư trú tại: Ấp P3, xã P4, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị H1 là: Ông Dương Văn B2, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn T3 cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc đất, từ trước năm 1950 ông bà họ tộc của các nguyên đơn có khu đất thổ mộ của gia đình trên phần đất của ông hội đồng D4 tại gò đất Cây Vúi ấp T2, xã A, huyện L, tỉnh Bến Tre; hàng năm gia đình các nguyên đơn tụ họp, tảo mộ theo phong tục tập quán và tu sửa phần mộ ông bà. Sau khi đất nước giải phóng năm 1975, Nhà nước chuẩn bị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào năm 1996 bà Nguyễn Thị N2 đã tự ý kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550311 – 001266 vào ngày 01/4/1997, diện tích là 7.845m^2 thuộc thửa 718, tờ bản đồ số 10 (trong đó có 7.545m^2 loại đất trồng cây lâu năm và 300m^2 loại đất ở tại nông thôn), tọa lạc tại xã A, huyện L, tỉnh Bến Tre nhưng trong đó bao gồm luôn cả phần đất thổ mộ của thân tộc các nguyên đơn.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 123/2018/HC-PT ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03099 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 19/6/2014, diện tích 4.613m^2 thuộc thửa 329, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T2, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Dương Thị Â đứng tên quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03176 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 10/9/2014, diện tích 1.204,7m^2 thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T2, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Dương Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/6/2021. Cụ thể nguyên đơn ông K, ông T3, ông T, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Â phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và buộc bà Dương Thị H1 phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, đề nghị Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 329a và 475a nêu trên cho ông K được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các nguyên đơn ông T3, ông T, ông S đã thống nhất cho ông K đứng tên quyền sử dụng đất. Đối với 02 cây dừa trên 15 năm tuổi trên thửa đất số 329a của bà Â thì các nguyên đơn yêu cầu bị đơn tự đốn hạ, di dời ra khỏi khu đất thổ mộ có diện tích 259,4m^2 nêu trên và các nguyên đơn đồng ý bồi thường cho bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Việc các bị đơn trình bày 04 ngôi mộ đất (đã lạng) và 02 ngôi mộ đá trên phần đất thửa 329a của bà Â không phải của thân tộc các nguyên đơn thì các nguyên đơn không đồng ý vì toàn bộ 17 ngôi mộ đá và 04 ngôi mộ đất trên phần đất thửa 329a và 475a đều là của thân tộc các nguyên đơn.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị Â là ông Vũ Ngọc T5 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị H1 là ông Dương Văn B2 trình bày:

Nguồn gốc phần đất thổ mộ nêu trên là của ông bà nội bà Â và bà H1 là ông Dương Văn T6 (mất sau năm 1950) và bà Huỳnh Thị T7 (mất năm 1990) mua lại của ông hội đồng D4 từ trước năm 1950. Sau khi ông T6 và bà T7 mất thì phần đất này để lại cho cha mẹ bà Â và bà H1 là ông Dương Văn L3 (mất khoảng năm 1986-1987) và bà Nguyễn Thị N2 (sinh năm 1931, mất năm 2016), ban đầu lúc ông T6 mua đất của hội đồng D4 thì phần đất này chỉ có 02 ngôi mộ đất. Sau đó, từ sau năm 1950 đến trước năm 1975 trên phần đất này mới có chôn thêm các ngôi mộ đất do các hộ gia đình chôn nhờ trên đất của ông T6 trong thời

kỳ chiến tranh kháng chiến chống Mỹ. Đến năm 2002 cho đến trước khi bà N2 mất năm 2016 thì các ngôi mộ đất mới được các hộ gia đình chôn nhờ trên đất tu sửa thành mộ đá, khi bà N2 còn sống thì các hộ gia đình chôn nhờ (bao gồm 04 hộ gia đình nguyên đơn) đều hỏi ý kiến của bà N2 để chôn nhờ thân tộc trên đất bà N2.

Trước khi bà N2 mất thì bà N2 đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Â và bà H1 gồm thửa 329 và 475, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1 (ấp T2 tách một phần thành ấp T1), xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Tính đến thời điểm hiện nay, trên đất của bà Â chỉ có 14 (mười bốn) ngôi mộ đá là của thân tộc gia đình các nguyên đơn ông K, ông T3, ông T, ông S; còn trên đất của bà H1 thì có 01 (một) ngôi mộ đá là của thân tộc gia đình các nguyên đơn ông K, ông T3, ông T, ông S. Đối với 04 (bốn) ngôi mộ đất (đã lạng) gần sát nhà ở của bà Â và 02 (hai) ngôi mộ đá trên phần đất thửa 329a của bà Â các bị đơn không rõ có phải là của thân tộc các nguyên đơn hay không, bởi vì bà Â biết hàng năm có thân tộc của 02 (hai) ngôi mộ đá trên phần đất của bà Â đến thăm viếng mộ nhưng bà Â chỉ biết là người đó nhà ở gần cầu K thuộc xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre mà không biết được họ tên và địa chỉ cụ thể cũng như không biết có quan hệ thân tộc gì với các nguyên đơn hay không.

Lời trình bày của nguyên đơn ông K đã khai trong đơn khởi kiện là không đúng, có nhiều mâu thuẫn như: phần mộ của cha ruột ông K (chết năm 1953) được chôn trên đất của bà Â thuộc thửa 329a nêu trên, còn phần mộ của mẹ ruột ông K (chết năm 1946) lại được chôn trên đất của ông Nguyễn Văn Nhạ ở ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre gần nhà bà Â. Như vậy, phần đất này không phải có nguồn gốc của thân tộc ông K. Ngoài ra, theo nội dung biên bản làm việc của Ban tiếp công dân huyện M lập ở xã A đề ngày 25/9/2015 thì ông K có khai trên đất này có tổng cộng đến 50 (năm mươi) ngôi mộ thân tộc ông K là có sự chênh lệch quá lớn so với thực tế các ngôi mộ của thân tộc ông K trên đất.

Do đó, các nguyên đơn ông K, ông T3, ông T, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Â phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và buộc bà Dương Thị H1 phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre thì các bị đơn là bà Â và bà H1 không đồng ý. Các bị đơn chỉ đồng ý cho các nguyên đơn ông K, ông T3, ông T, ông S được vào đất của bà Â và bà H1 để chăm sóc, tu bổ mồ mả ông bà chứ không đồng ý giao trả đất cũng như không đồng ý cho các nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì phần đất này

thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các bị đơn bà Â và bà H1. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bị đơn sẽ tự đốn hạ, di dời 02 cây dừa 15 năm tuổi trên phần đất của bà Â mà không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 về việc yêu cầu bà Dương Thị Â phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và buộc bà Dương Thị H1 phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 có tứ cận:

- Đông giáp phần còn lại thửa 329 dài 8,56m; 5,6m;

- Tây giáp phần còn lại thửa 329 dài 18,22m;

- Nam giáp phần còn lại thửa 329 dài 12,09m;

- Bắc giáp phần còn lại thửa 329 dài 12,05; 6,79m.

Phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 có tứ cận:

- Đông giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,01m;

- Tây giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,01m;

- Nam giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,56m;

- Bắc giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,56m;

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 được quyền tới lui thăm viếng, tu sửa mồ mả thân tộc các nguyên đơn trên phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; các bị đơn bà Dương Thị Â và bà Dương Thị H1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở các nguyên đơn trong việc tới lui thăm viếng, tu sửa mồ mả thân tộc các nguyên đơn cũng như không được xâm phạm đến mồ mả thân tộc các nguyên đơn.

Các bị đơn bà Dương Thị Â và bà Dương Thị H1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc một phần thửa 329 (diện tích 259,4m^2 ký hiệu là thửa 329a) và một phần thửa 475 (diện tích 5,2m^2 ký hiệu là thửa 475a) nêu trên là loại đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 329 và 475 này bà Â và bà H1 có quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng các nguyên đơn được quyền xây dựng hàng rào để bảo vệ các ngôi mộ theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều thống nhất trình bày phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 329 (diện tích 259,4m^2) và một phần thửa 475 (diện tích 5,2m^2), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre hiện do bà Dương Thị Â, bà Dương Thị H1 đang quản lý, sử dụng; trên phần đất này có các ngôi mộ họ tộc của phía gia đình nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của phía bị đơn và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn, các nội dung này

không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[2] Tuy nhiên, vì trên đất tranh chấp có các ngôi mộ thân tộc của gia đình nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định các nguyên đơn được quyền tới lui thăm viếng, tu sửa mồ mả thân tộc mà các bị đơn (bà Â và bà H1) cùng các thành viên gia đình bị đơn không được cản trở cũng như không được xâm phạm đến mồ mả thân tộc của các nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và phong tục tập quán.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu được xây dựng hàng rào để bảo vệ các ngôi mộ thì thấy rằng các ngôi mộ thân tộc của gia đình nguyên đơn nằm trên thửa đất tranh chấp nhưng phần đất tranh chấp lại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của phía bị đơn và có nguồn gốc của ông bà bị đơn để lại nên việc yêu cầu được xây dựng công trình trên đất là không phù hợp quy định pháp luật và ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng đất và tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cũng không đồng ý để nguyên đơn xây dựng hàng rào trên đất nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007732 và 0007733 ngày 09/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 về việc yêu cầu bà Dương Thị Â phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và buộc bà Dương Thị H1 phải giao trả cho các nguyên đơn phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 có tứ cận:

- Đông giáp phần còn lại thửa 329 dài 8,56m; 5,6m;

- Tây giáp phần còn lại thửa 329 dài 18,22m;

- Nam giáp phần còn lại thửa 329 dài 12,09m;

- Bắc giáp phần còn lại thửa 329 dài 12,05; 6,79m.

Phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 có tứ cận:

- Đông giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,01m;

- Tây giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,01m;

- Nam giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,56m;

- Bắc giáp phần còn lại thửa 475 dài 2,56m;

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 được quyền tới lui thăm viếng, tu sửa mồ mả thân tộc các nguyên đơn trên phần đất có diện tích là 259,4m^2 thuộc một phần thửa 329 (ký hiệu là thửa 329a) và phần đất có diện tích là 5,2m^2 thuộc một phần thửa 475 (ký hiệu là thửa 475a), tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp T1, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; các bị đơn bà Dương Thị Â và bà Dương Thị H1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở các nguyên đơn trong việc tới lui thăm viếng, tu sửa

mồ mả thân tộc các nguyên đơn cũng như không được xâm phạm đến mồ mả thân tộc các nguyên đơn.

Các bị đơn bà Dương Thị Â và bà Dương Thị H1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc một phần thửa 329 (diện tích 259,4m^2 ký hiệu là thửa 329a) và một phần thửa 475 (diện tích 5,2m^2 ký hiệu là thửa 475a) nêu trên là loại đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 329 và 475 này bà Â và bà H1 có quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định, đo đạc, định giá) là 5.081.000 đồng (năm triệu không trăm tám mươi mốt nghìn đồng) ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn T, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 phải chịu và đã nộp xong.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003674 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003675 cùng ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn T là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T3 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lại thu số 0007732 và 0007733 ngày 09/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương